

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Giáp Long

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm Sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Du Thanh T, sinh ngày: 30/01/1998.

Nơi thường trú: Số A, đường C, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nay là số A đường C, Phường P, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: số F đường N, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lưu Ngọc P, sinh ngày: 14/6/1985.

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nay là số A đường C, phường P, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn bà Du Thanh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lưu Ngọc P vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 26 tháng 02 năm 2025 và tại bản tư khai ngày 25/8/2025, nguyên đơn bà Du Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016; ngày 16/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nay là phường P, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể khắc phục được, do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù bà T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có với nhau 03 người con chung tên Lưu Phương N, giới tính: nữ, sinh ngày: 30/10/2015; Lưu Ngọc T1, giới tính: nam, sinh ngày: 24/6/2017 và Lưu Phi L, giới tính: nam, sinh ngày 11/02/2021. Từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, 02 cháu Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 do ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu Lưu Phi L do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Theo bà T, hiện nay bà làm nghề mua bán thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng; còn ông P cũng mua bán, phụ giúp cha mẹ chồng, thu nhập cụ thể mỗi tháng bao nhiêu thì bà T không rõ. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu giao 02 con chung tên Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 cho ông Lưu Ngọc P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Lưu Phi L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà T và ông P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lưu Ngọc P: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông P không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Du Thanh T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Lưu Ngọc P, cư trú tại phường P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ

vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Du Thanh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lưu Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Du Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Du Thanh T và ông Lưu Ngọc P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016; ngày 16/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nay là phường P, thành phố Cần Thơ. Tại thời điểm kết hôn bà T và ông P đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà T và ông P có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Thảo nguyên N1 mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Về con chung: bà T trình bày, trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có với nhau 03 người con chung tên Lưu Phương N, giới tính: nữ, sinh ngày: 30/10/2015; Lưu Ngọc T1, giới tính: nam, sinh ngày: 24/6/2017 và Lưu Phi L, giới tính: nam, sinh ngày 11/02/2021. Từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, 02 cháu Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 do ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu Lưu Phi L do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu giao 02 con chung tên Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 cho ông Lưu Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Lưu Phi L cho bà Du Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T và ông P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết*

định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà T và ông P sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, cháu Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 do ông Lưu Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Lưu Phi L do bà Du Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu đều được đi học đầy đủ và chăm sóc tốt, cuộc sống của các cháu đang ổn định. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 cùng ngày 09/6/2025, thì 02 cháu có nguyện vọng được sống cùng với ông Lưu Ngọc P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Lưu Phương N và Lưu Ngọc T1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cháu Lưu Phi L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Do đó, bà Du Thanh T và ông Lưu Ngọc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này thì bà T và ông P đều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, do bà T và ông P mỗi người đều có trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà T trình bày bà và ông P đều đủ điều kiện nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông P cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc bà T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai trong thời kỳ hôn nhân, ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271,

Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025)

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Du Thanh T được ly hôn với ông Lưu Ngọc P.

2. Về con chung:

- Giao 02 người con chung tên Lưu Phương N, giới tính: nữ, sinh ngày 30/10/2015 và Lưu Ngọc T1, giới tính: nam, sinh ngày 24/6/2017 cho ông Lưu Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

- Giao 01 người con chung tên Lưu Phi L, giới tính: nam, sinh ngày 11/02/2021 cho bà Du Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Du Thanh T và ông Lưu Ngọc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Du Thanh T và ông Lưu Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Du Thanh T tự khai trong thời kỳ hôn nhân, ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Du Thanh T phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008941, ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ). Bà T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV5- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV5- Cần Thơ;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng

